

Bản án số: 154/2022/DS-PT

Ngày: 31/8/2022

“V/v tranh chấp quyền  
sử dụng đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh Hải.

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Tấn Tài;

Bà Trần Thị Thúy Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2021/TLPT- DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 439/2020/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 74/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2021/QĐ-PT ngày 27/4/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 621/TB-TA ngày 11/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*

1.1. Ông Trần Văn B, sinh năm 1944 (chết năm 2021);

1.2. Ông Trương Thanh T, sinh năm 1975 (có mặt);

1.3. Bà Trần Thị Bích H (H), sinh năm 1976 (có mặt);

Cùng cư trú: Tổ 09, ấp H B 2, xã Đ P, huyện A P, tỉnh A G.

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông B:*

1. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1950 (vắng mặt);

2. Ông Trần Văn C, sinh năm: 1970 (chết)

*Kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông C:*

- Bà Lê Thị L, sinh năm: 1972 (vắng mặt)
- Bà Trần Thị H, sinh năm: 1989 (vắng mặt)
- Bà Trần Thị H, sinh năm: 1995 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp H B 2, xã Đ P, huyện A P, tỉnh A G.

3. Bà Trần Thị Bích S, sinh năm 1978 (chết)

*Kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà S:*

- Ông Đỗ Văn T, sinh năm: 1984 (vắng mặt)
- Em Đỗ Thành A, sinh năm: 2011 (vắng mặt)
- Em Đỗ Thị Thu N, sinh năm: 2010 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp H B 2, xã Đ P, huyện A P, tỉnh A G.

4. Ông Trần Văn H, sinh năm 1971 (vắng mặt)

5. Bà Trần Thị Bích H (H), sinh năm 1976 (có mặt)

Cùng nơi cư trú: Tổ 09, ấp H B 2, xã Đ P, huyện A P, tỉnh A G.

Bà B ủy quyền cho bà B H, theo văn bản ủy quyền ngày 10/5/2021.

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Văn N, sinh năm 1946 (đã chết);

2. Bà Diêu Thị H, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Tổ 09, ấp H B 2, xã Đ P, huyện A P, tỉnh A G.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông N:*

1. Bà Diêu Thị H, sinh năm 1949 (vắng mặt)
2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1968 (vắng mặt)
3. Ông Trần Hữu P, sinh năm 1970 (vắng mặt)
4. Bà Trần Thị Bích P, sinh năm 1974 (vắng mặt)
5. Bà Trần Thị Bích Huyền, sinh năm 1980 (vắng mặt)
6. Ông Trần Hữu H, sinh năm 1983 (vắng mặt)
7. Bà Trần Thị Bé C, sinh năm 1987 (vắng mặt);
8. Ông Trần Hữu Đ; sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp H B 2, xã Đ P, huyện A P, tỉnh A G.

*Các thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông đồng ủy quyền cho ông Trần Hữu Đ tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền ngày 16/12/2019.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai với các tài liệu chứng cứ kèm theo của ông Trần Văn B, Trương Thanh T, Trần Thị Bích H (H), cùng trình bày:* Trước khi cha mẹ ông B chết, đã chia cho ông một phần đất có diện tích ngang 5,5m, dài từ mé lộ đến sông. Năm 1997, ông mua thêm của ông N, chiều ngang 5,5m, dài từ lộ đến mé sông, tổng cộng chiều ngang đất của ông 11m. Vào năm 1995, ông mua thêm đất của ông H chiều ngang 5,5m, phần này ông đang sử dụng trồng cây ăn trái lâu năm. Do xung quanh là đất hầm, nên ông tiến hành xây vòng thành cao nhằm mục đích làm nơi chôn cất cha mẹ và chống sạt lở. Đến tháng 5 năm 2002, ông N và bà H kê khai bao trùm cả diện tích đất này của ông và N và bà H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ông có khiếu nại tranh chấp, sau khi giải quyết Ủy ban nhân dân huyện An Phú có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông N, bà H và trả lại phần đất mà ông N, bà H lấn chiếm cho ông, nhưng ông N, bà H không thực hiện.

Nay yêu cầu ông N và bà H có trách nhiệm trả lại đất cho ông có diện tích 186 m<sup>2</sup>. Theo kết quả đo đạc hiện trạng ngày 19/4/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh An Phú thể hiện: Phần đất tranh chấp tại các điểm 43, 39, 71, 41, 44 là phần đất có diện tích 56,5 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 96 tờ bản đồ số 30; các điểm 41, 42, 45, 47 là các điểm đo đạc theo hiện trạng có diện tích 21,6 m<sup>2</sup>.

*Bị đơn bà Diêu Thị H trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp có diện tích ngang 25m dài 15m hiện nay là của vợ chồng bà mua lại từ ông Võ Văn Đ (chết) cách đây nhiều năm, vợ chồng bà mua đất ao, hầm để nuôi cá vào thời điểm đó. Chồng bà là ông N chết vào năm 2019. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2007 mang tên vợ chồng bà. Ông N chết nên gia đình bà làm giấy ủy quyền quản lý đất lại cho ông Đ. Trước đây gia đình bà có trả nền nhà trên gò lại cho ông B rồi vì nền nhà này cha mẹ ông N để lại và ông B đòi nên đã trả (nền mộ). Bà được mệnh thường quân cho cất nhà tình thương trên hầm đất của bà để ở, mẹ con bà tá túc tại đây. Nay bà không đồng ý theo yêu cầu kiện của ông B.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu Đ, trình bày:* Thống nhất theo trình bày của mẹ ông (bà H), đất là của gia đình ông và đã được cấp Giấy chứng nhận, không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 439/2020/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang, quyết định:

Căn cứ vào Điều 95 và khoản 2, Điều 101, Điều 203 Luật đất đai 2013;

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

Căn cứ nghị quyết 326 UBTV-QH về án phí lệ phí

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn B, Trương Thanh T, Trần Thị Bích H.

Không chấp nhận yêu cầu kiện đòi lại đất tại các điểm 43, 39, 71, 41, 44 là phần đất có diện tích 56,5m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 96 tờ bản đồ số 30 và phần đất tại các điểm 41, 42, 45, 70, 47 diện tích 21,6m<sup>2</sup> theo bảng vẽ hiện trạng khu đất ngày 19/4/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện An Phú.

Ngày 06 tháng 01 năm 2021 ông Trần Văn B, ông Trương Thanh T và bà Trần Thị Bích H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Diêu Thị H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn N phải trả diện tích đất lấn chiếm đã đo đạc.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bà H đại diện nguyên đơn trình bày: Đơn kháng cáo bà yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc bị đơn bà H và các người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông N trả lại diện tích đất cho nguyên đơn 186m<sup>2</sup> theo kết quả đo đạc hiện trạng ngày 19/4/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện An Phú, tại các điểm 43, 39, 71, 41, 44 có diện tích 56,5m<sup>2</sup> và các điểm 41, 42, 45, 47 có diện tích 21,6m<sup>2</sup>, đất tọa lạc xã Đa Phước, huyện An Phú. Nhưng nay, bà xin thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu bà H và các đồng thừa kế của ông N trả cho gia đình bà diện tích 30,6m<sup>2</sup> tại các điểm 43, 39, 87, 88 theo bảng vẽ hiện trạng khu đất ngày 31/5/2022 và di dời hoặc chặt các cây dừa trên diện tích đất. Bà và gia đình sẽ hỗ trợ chi phí di dời hoặc chặt cây là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn rút yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu đòi trả diện tích 47,5m<sup>2</sup>.

- Bị đơn và các người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu giữ nguyên theo diện tích mà bị đơn đã được cấp giấy chứng nhận.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề xuất hướng giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của ông Trần Văn B, ông Trương Thanh T và bà Trần Thị Bích H trong hạn luật định nên phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của ông T, bà H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông B sửa bản án dân sự sơ thẩm số 439/2020/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn B, ông Trương Thanh T và bà Trần Thị Bích H kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ; đối với ông Trần Văn B là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà bị đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai căn cứ khoản khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn: Nguồn gốc đất, cha mẹ chia cho ngang 5,5m dài từ mé lộ đến sông, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là “Tờ Quĩ Quyền chia đất” lập ngày 09/12/1988; nội dung trong “Tờ Quĩ Quyền chia đất” lại không thể hiện được mối quan hệ giữa ông Bàn với những người có tên trong “Tờ Quĩ Quyền chia đất”, mặt khác bản thân bà Trần Thị B là một trong những người con của ông Trần Văn G nhưng lại đứng ra chia đất cho các anh, chị, em vào ngày 09/12/1988 và phần đất công thổ cũng như đất ruộng được đề cập trong “Tờ Quĩ Quyền chia đất” cũng không thể hiện được vị trí đất tọa lạc tại đâu và tứ cận tiếp giáp những ai...(bl 01), đất cũng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Từ nguồn gốc trên nguyên đơn ông Trần Văn B, ông Trương Thanh T và bà Trần Thị Bích H khởi kiện yêu cầu ông N (chết) bà H và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông N trả lại diện tích đất đã lấn chiếm, cụ thể theo kết quả đo đạc hiện trạng thực tế ngày 19/4/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi Nhánh huyện An Phú, tại các điểm 43, 39, 71, 41, 44 có diện tích 56,5m<sup>2</sup> và các điểm 41, 42, 45, 47 có diện tích 21,6m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 96 tờ bản đồ số 30, đất tọa lạc ấp Hà Bao 2, xã Đa Phước, huyện An Phú.

[3.1] Ngoài những chứng cứ trên Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã ban hành Quyết định yêu cầu phía nguyên đơn cung cấp tài liệu, chứng cứ nhằm xác định cụ thể phần đất tranh chấp của nguyên đơn, nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm nguyên đơn vẫn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn. Nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B, ông Trương Thanh T và bà Trần Thị Bích H.

[3.2] Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản chính “Tờ quĩ quyền cho đất” ngày 09/12/1988 với diện tích diện tích đất ngang 5,5m và nhận chuyển nhượng theo “Giấy tay bán đất công thổ” ngày 09/12/1997, diện tích đất ngang 5,5m, tổng cộng 11m chiều ngang, chiều dài của 02 phần diện tích đất từ phía trên đường lộ chạy dài xuống tới sông. Trong tờ mua bán ngày 09/12/1988 và “Giấy tay bán đất công thổ” ngày 09/12/1997, nguyên đơn không xác định được vị trí, diện tích đất và phần diện tích đất trên không được thể hiện cụ thể trên “Tờ quĩ quyền cho đất”, nhưng thực tế nguyên đơn đã quản lý, sử dụng từ năm 1988 đến nay, đã xây nền mộ kiên cố, nhưng không ai tranh chấp và bị đơn không có ý kiến phản đối; mặt khác, sau khi ông B đòi đất, gia đình bà H đã trả lại phần đất nền mộ theo yêu cầu của ông B, nên Ủy ban nhân dân huyện An

Phú đã thu hồi Giấy chứng nhận của gia đình bà H, đây là sự kiện, tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.3] Bị đơn trình bày, đã chuyển nhượng của ông Võ Văn Đ, diện tích đất chiều ngang 25m dài 15 m, tổng diện tích là  $375m^2$  giáp ranh với đất tranh chấp; nhưng bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Công văn số: 56/ UBND-NC ngày 24/01/2022, của UBND huyện An Phú, có nội dung “Báo cáo kết quả xác minh đơn khiếu nại của ông Trần Văn N, bà Diêu Thị H ngày 04/4/2017, kết luận:... bị đơn có nhận sang nhượng diện tích đất của ông Võ Văn Đoàn vào năm 1989 diện tích ngang 7m, dài 20m”; Kết luận của Thanh Tra huyện An Phú ngày 13/6/2016, nội dung “... ông Trần Văn N, bà Diêu Thị H mua đất ao hằm của ông Võ Văn Đ diện tích ngang 7m, dài 20m, có giấy tay mua bán ngày 29/6/1989”; Tờ bán đất ao hằm ngày 29/6/1989, do Phòng tài nguyên và môi trường huyện An Phú cung cấp, thể hiện ông N (chồng bà H) mua diện tích đất của ông Đ ngang 7m, dài 20m; Biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị G (vợ ông Đ người chuyển nhượng đất cho ông N) do Phòng tài nguyên và môi trường huyện An Phú lập ngày 17/3/2017, bà G xác nhận “chồng bà có bán cho ông N đất hằm ngang 7m, dài 20m bằng  $140m^2$ ”; Biên bản làm việc của Phòng tài nguyên và Môi trường huyện An Phú ngày 03/4/2017, ông N thống nhất trả đất mồ mã hiện hữu lại cho ông B, chiều ngang 02 mét tính từ vách ngoài nền mộ trở ra hằm (ao) của bà H, ông N; ông N còn đồng ý di dời nếu hàng dừa nằm trong diện tích 02 mét.

[3.4] Công văn số 934/SNNPTNT-CCTTBVTV ngày 30/5/2022 của Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang, về việc phối hợp xác định giá trị cây dừa, xác định cây dừa từ 4 năm tuổi trở lên có trái ổn định, có mức giá bồi thường là 975.000 đồng/cây. Bị đơn đã trồng trên đất của nguyên đơn tổng cộng 03 cây dừa, nên bị đơn và các thừa kế của bị đơn có nghĩa vụ di dời hoặc chặt để trả đất cho nguyên đơn. Nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ chi phí di dời hoặc chặt 1.000.000 đồng/cây; vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của nguyên đơn hỗ trợ chi phí di dời (hoặc chặt cây) cho bị đơn 3.000.000 đồng.

[3.5] Diện tích đất bà H đang quản lý sử dụng thực tế là  $357,6m^2$ , nhiều hơn diện tích đất bà H, ông N đã nhận chuyển nhượng của ông Đ là  $217,6m^2$ . Do đó, về diện tích đất vẫn đảm bảo quyền lợi cho bà H. Tuy nhiên, bị đơn và các đồng thừa kế bị đơn không có yêu cầu công nhận, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.6] Căn cứ các chứng cứ nêu trên và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu bị đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn trả lại diện tích ngang 02m tính từ vách ngoài nền mộ thẳng ra tại các điểm 43, 39, 87, 88 diện tích  $30,6m^2$  theo bảng vẽ hiện trạng khu đất ngày 31/5/2022. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, việc cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa xem xét toàn diện các chứng cứ có tại hồ sơ, chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Do đó, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn có căn cứ, nên được chấp nhận, cần sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn và người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn gồm bà Diêu

Thị H, Trần Thị L, ông Trần Hữu P, bà Trần Thị Bích P, bà Trần Thị Bích H, ông Trần Hữu H, bà Trần Thị Bé C, ông Trần Hữu Đ, có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Bích H ông Trương Thanh T và các người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Trần Văn B, diện tích đất 30,6m<sup>2</sup> tại các điểm 43, 39, 87, 88 theo Bảng vẽ hiện trạng khu đất ngày 31/5/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh An Phú, đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Nguyên đơn rút kháng cáo đối với yêu cầu bị đơn trả đất diện tích 47,5m<sup>2</sup>, đây là sự tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối yêu cầu này.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm số 439/2020/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định.

Bị đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn có nghĩa vụ di dời hoặc chặt 03 cây dừa để trả lại đất cho đồng nguyên đơn.

[5] Về chi phí tố tụng: Theo hóa đơn giá trị gia tăng ngày 07/5/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện An Phú số tiền 1.196.800 đồng; 500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo biên bản giao nhận ngày 11/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, ông B, ông T, bà H tự nguyện chịu và chi phí xem xét thẩm định, đo đạc lần hai là 4.700.000 đồng ông T, bà H tự nguyện chịu (đã nộp xong).

[6] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trương Thanh T, bà Trần Thị Bích H nên các ông, bà không phải chịu. Ông Trần Văn B, ông Trương Thanh T, bà Trần Thị Bích H được nhận lại 2.790.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010872 ngày 12/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú. Bà Diêu Thị H là người cao tuổi, nên Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà.

[6.1] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Trương Thanh T và bà Trần Thị Bích H không phải chịu. Ông T, bà H mỗi người được nhận lại tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0006893, số 0006892, cùng ngày 18/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đình chỉ yêu cầu đòi bị đơn trả đất diện tích 47,5m<sup>2</sup> của nguyên đơn.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 439/2020/DS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn B (chết), Trương Thanh T, Trần Thị Bích H.

Buộc bà Diêu Thị H, Trần Thị L, ông Trần Hữu P, bà Trần Thị Bích P, bà Trần Thị Bích H, ông Trần Hữu H, bà Trần Thị Bé C, ông Trần Hữu Đ, có nghĩa vụ di dời hoặc chặt 03 cây dừa để trả cho nguyên đơn và các người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn gồm: Trần Thị Bích H, bà Nguyễn Thị B, ông Trần Văn H, bà Lê Thị L, bà Trần Thị H, bà Trần Thị H, ông Đỗ Văn T, em Đỗ Thành A, em Đỗ Thị Thu N diện tích đất 30,6m<sup>2</sup>, tại các điểm 43, 39, 87, 88 theo Bảng vẽ hiện trạng khu đất ngày 31/5/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh An Phú.

Công nhận sự tự nguyện của ông Trương Thanh T, bà Trần Thị Bích H hỗ trợ chi phí di dời hoặc chặt cây cho bà Diêu Thị H và các thừa kế của ông Trần Văn N số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Nguyên đơn có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Bảng vẽ hiện trạng khu đất ngày 31/5/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện An Phú được đính kèm bản án để thi hành.

Chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc và xem xét thẩm định tại chỗ do ông T, bà H tự nguyện chịu (đã nộp xong).

Về án phí sơ thẩm: Ông Trương Thanh T, bà Trần Thị Bích H và các thừa kế của ông Trần Văn B, được nhận lại tiền tạm ứng án phí 2.790.000 (hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0010872 ngày 12/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú.

Miễn án phí cho bà Diêu Thị H.

Án phí phúc thẩm: Ông Trương Thanh T, bà Trần Thị Bích H mỗi người được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006893, số 0006892, cùng ngày 18/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành



án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện An Phú;
- Chi cục THA-DS An Phú;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đường sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Hải**

**CÁC THẨM PHÁN**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Tấn Tài**

**Trần Thị Thúy Hà**

**Trần Minh Hải**